

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

10
40
E
OF
T
T

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Bà Châu Thị Diệu Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2014)
Ông Viễn Đông	Thành viên
Ông Hồ Hữu Phước	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 25/4/2014)

Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khương Chị Chăm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tuyền	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Các hoạt động chính

Trong năm tài chính này, hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng,...

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 25.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRỊNH BỬU TUÂN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 3 năm 2015



Số: 106/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P. GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HÒ ĐẮC HIẾU

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0458-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		131.712.560.674	111.185.866.896
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	29.707.513.137	18.011.389.828
1. Tiền	111		6.707.513.137	16.000.223.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	2.011.166.667
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.02	23.598.559.401	23.213.282.528
1. Phải thu khách hàng	131		23.586.870.473	23.553.919.658
2. Trả trước cho người bán	132		619.392.337	516.126.827
3. Các khoản phải thu khác	135		758.827.600	790.023.894
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.366.531.009)	(1.646.787.851)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.03	77.810.094.953	69.867.092.966
1. Hàng tồn kho	141		83.745.437.509	75.858.334.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.935.342.556)	(5.991.241.674)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.04	596.393.183	94.101.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.120.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		525.223.683	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	7.411.574
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		56.049.500	86.690.000
B. Tài sản dài hạn	200		24.331.577.129	26.903.231.585
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		19.123.077.129	21.827.531.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	19.064.221.133	21.735.043.585
- Nguyên giá	222		246.477.496.091	244.530.469.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(227.413.274.958)	(222.795.426.276)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	58.855.996	92.488.000
- Nguyên giá	228		100.896.000	100.896.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.040.004)	(8.408.000)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.07	4.950.000.000	4.950.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.920.000.000	1.920.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		3.030.000.000	3.030.000.000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		258.500.000	125.700.000
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.08	258.500.000	125.700.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.044.137.803	138.089.098.481

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		72.448.876.434	61.630.002.580
I. Nợ ngắn hạn	310		68.693.876.434	57.875.002.580
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	13.616.011.495	6.666.393.300
2. Phải trả người bán	312	V.10	22.582.097.139	23.410.985.206
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	863.915.272	1.900.113.669
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.11	510.780.370	898.312.838
5. Phải trả người lao động	315	V.12	13.495.708.744	10.786.349.201
6. Chi phí phải trả	316		12.269.452	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	17.079.803.273	14.288.492.477
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		533.290.689	(75.644.111)
II. Nợ dài hạn	330		3.755.000.000	3.755.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	3.755.000.000	3.755.000.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		83.595.261.369	76.459.095.902
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	83.595.261.369	76.459.095.902
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	414		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.877.701.334	5.468.736.977
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.957.520.391	1.487.865.606
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		100.000.000	100.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.650.642.035	9.393.095.710
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.044.137.803	138.089.098.481

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	397.681.410	60.100.728
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	271.257.35	65.606.48
+ EUR	126.63	102.36
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính.

Nguyễn Xuân Khiêm
Người lập biểu

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		378.199.313.863	332.456.392.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		562.336.951	1.023.937.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	377.636.976.912	331.432.455.809
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	332.827.563.159	288.286.579.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.809.413.753	43.145.875.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.893.187.614	505.641.600
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	556.672.679	518.134.645
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		467.413.679	629.164.645
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	16.048.778.737	12.957.695.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	14.495.685.857	13.587.895.229
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.601.464.094	16.587.792.361
11. Thu nhập khác	31	VI.07	614.393.831	208.051.102
12. Chi phí khác	32	VI.08	208.364.465	1.171.361.903
13. Lợi nhuận khác (lỗ)	40		406.029.366	(963.310.801)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.007.493.460	15.624.481.560
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.512.958.392	1.296.818.905
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.494.535.068	14.327.662.656
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.272	2.412

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Xuân Khiêm
Người lập biểu



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	16.007.493.460	15.624.481.560
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.382.023.147	6.911.624.635
Các khoản dự phòng	03	(336.155.960)	(455.922.641)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(47.974.887)	(24.170.218)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.829.174.308)	110.897.784
Chi phí lãi vay	06	467.413.679	629.164.645
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	19.643.625.131	22.796.075.765
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(592.191.641)	(2.100.610.866)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(7.887.102.869)	4.674.072.617
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	1.619.140.926	7.134.669.576
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(15.120.000)	2.655.571
Tiền lãi vay đã trả	13	(455.144.227)	(629.164.645)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.475.113.110)	(986.823.536)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.167.200.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.300.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.705.294.210	30.890.874.482
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.677.568.691)	(2.282.196.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	166.045.454	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	339.600.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.663.128.854	318.502.216
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(848.394.383)	(1.624.093.784)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.006.218.349	130.473.729.177
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.056.600.154)	(148.017.839.227)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.158.369.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.791.248.595	(17.544.110.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.648.148.422	11.722.670.648
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.011.389.828	6.278.235.903
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	47.974.887	10.483.277
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.707.513.137	18.011.389.828

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


Nguyễn Xuân Khiêm
 Người lập biểu


Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng


Trần Hưng Lương
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 26/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTC kể từ ngày 07/01/2010 theo Thông báo số 779/TB-SGDHN cấp ngày 16/12/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.923.480.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở hoạt động

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Thanh Thanh Joint Stock Company (TTC).

- Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Xây lắp công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2014: 490 người

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Chi theo thực tế phát sinh

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên tắc trích lập các quỹ: theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Thuế

Theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan khác, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm, được miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2007 nên Công ty được giảm thêm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 02 năm kể từ khi thực hiện giao dịch ngoài các ưu đãi trên theo quy định của Luật thuế TNDN. Tổng hợp các ưu đãi nói trên, Công ty tự xác định được miễn thuế TNDN trong 05 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Năm 2014, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế phải nộp, và là năm thứ 11 áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15%.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		152.680.800	1.064.981.667
Tiền gửi ngân hàng	(*)	6.554.832.337	14.935.241.494
Các khoản tương đương tiền	(**)	23.000.000.000	2.011.166.667
Cộng		29.707.513.137	18.011.389.828
(*) Bao gồm:			
		Số cuối năm	
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		753.696.755	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (271,257.35 USD)		5.797.854.599	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (126,63 EUR)		3.280.983	
Cộng		6.554.832.337	

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, với lãi suất từ 5,15 - 5,75%/năm.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng bằng VND		23.586.870.473	23.553.919.658
Trả trước cho người bán	(2.1)	619.392.337	516.126.827
Phải thu khác	(2.2)	758.827.600	790.023.894
Cộng		24.965.090.410	24.860.070.379
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(2.3)	(1.366.531.009)	(1.646.787.851)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		23.598.559.401	23.213.282.528

(2.1) Trong đó, bao gồm khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ 23,440.00 EUR tương đương 607.330.400 đồng.

(2.2) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu		173.254.167	-
Khoản tiền cho mượn thanh toán, không hợp đồng và không lãi suất đến các nhân viên		432.300.000	469.623.200
Thuế TNCN phải thu từ nhân viên		69.541.845	121.536.032
Khoản cho mượn vật tư đến các khách hàng		-	54.322.334
Phải thu Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 về khoản hỗ trợ kinh phí đào tạo nhân viên		-	22.400.000
Phải thu lãi liên quan đến khoản ứng trước cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định		83.731.588	122.142.328
Cộng		758.827.600	790.023.894

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2.3) Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:		Số cuối năm			
Số dư đầu năm		1.646.787.851			
Tăng (do trích lập dự phòng)		57.323.840			
Giảm (do xóa nợ)		(337.580.682)			
Số dư cuối năm		1.366.531.009			
3. Hàng tồn kho		Số cuối năm	Số đầu năm		
Nguyên vật liệu		17.860.492.616	13.020.459.720		
Công cụ dụng cụ		1.854.055.630	1.696.491.979		
Thành phẩm		64.030.889.263	61.141.382.941		
Cộng		83.745.437.509	75.858.334.640		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*)	(5.935.342.556)	(5.991.241.674)		
Giá trị thuần của hàng tồn kho		77.810.094.953	69.867.092.966		
(*): Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho:					
Số dư đầu năm		5.991.241.674			
Tăng (do trích lập)		199.502.882			
Giảm (do hoàn nhập)		(255.402.000)			
Số dư cuối năm		5.935.342.556			
4. Tài sản ngắn hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm		
Chi phí bảo trì phần mềm kế toán chờ phân bổ		15.120.000	-		
Thuế GTGT được khấu trừ		525.223.683	-		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	7.411.574		
Tạm ứng đến nhân viên		56.049.500	86.690.000		
Cộng		596.393.183	94.101.574		
5. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, DCQL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.328.736.587	210.531.238.174	8.564.238.900	106.256.200	244.530.469.861
Tăng	-	1.542.459.600	1.135.109.091	-	2.677.568.691
Giảm	-		730.542.461	-	730.542.461
Số dư cuối năm	25.328.736.587	212.073.697.774	8.968.805.530	106.256.200	246.477.496.091
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.885.881.140	197.252.953.834	5.550.335.102	106.256.200	222.795.426.276
Tăng	848.559.701	4.087.513.558	412.317.884	-	5.348.391.143
Giảm			730.542.461	-	730.542.461
Số dư cuối năm	20.734.440.841	201.340.467.392	5.232.110.525	106.256.200	227.413.274.958
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.442.855.447	13.278.284.340	3.013.903.798	-	21.735.043.585
Số dư cuối năm	4.594.295.746	10.733.230.382	3.736.695.005	-	19.064.221.133

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và giảm do thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 210.566.787.178 đồng.

6. Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	100.896.000	-	-	100.896.000
Hao mòn lũy kế	8.408.000	33.632.004	-	42.040.004
Giá trị còn lại	92.488.000			58.855.996

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(7.1)	1.920.000.000	1.920.000.000
Đầu tư dài hạn khác	(7.2)	3.030.000.000	3.030.000.000
Cộng		4.950.000.000	4.950.000.000

(7.1): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng, tương ứng với 205.440 cổ phiếu, chiếm 24% vốn điều lệ. Trong năm tài chính này, Công ty nhận được cổ tức bằng tiền là 143.808.000 đồng.

(7.2): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Cosevco, chiếm 6% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 50 tỷ đồng). Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ công ty này. Tại ngày 31/12/2014, Công ty không xác định được giá thị trường từ các nguồn tin cậy cũng như giá trị sổ sách của chứng khoán nêu trên, nên Công ty không ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư của chứng khoán này.

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	258.500.000	125.700.000

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm		
	13.616.011.495	6.666.393.300		
Chi tiết khoản vay ngắn hạn:	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đồng Nai	5.000.000.000	89.479.064.842	80.863.053.347	13.616.011.495
NH TMCP XNK Việt Nam - CN Đồng Nai	1.666.393.300	11.527.153.507	13.193.546.807	-
Cộng	6.666.393.300	101.006.218.349	94.056.600.154	13.616.011.495

Vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13/2014/378368 ngày 09/6/2014 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng (bao gồm vay bằng VND và ngoại tệ), mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ; lãi suất vay được ghi trên từng hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ cụ thể (lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 đối với đồng VND là 5,5%/năm, đồng USD là 3,5%/năm). Tài sản đảm bảo: Các khoản phải thu và toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ tại các Tổ chức tín dụng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là **13.616.011.495 đồng** (trong đó có số dư gốc ngoại tệ là **29.741.00 USD** tương đương 635.676.699 đồng).

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	(*)	22.582.097.139	23.410.985.206
Người mua trả tiền trước	(**)	863.915.272	1.900.113.669
Cộng		23.446.012.411	25.311.098.875

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 992.00 USD tương đương 21.202.760 đồng.

(**) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả trước có gốc ngoại tệ 1,381.75 USD tương đương 28.770.929 đồng.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm		
Thuế giá trị gia tăng	-	474.814.748		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	461.343.372	423.498.090		
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	49.436.998	-		
Cộng	510.780.370	898.312.838		
12. Phải trả công nhân viên	Số cuối năm	Số đầu năm		
Lương nhân viên còn phải trả	13.495.708.744	10.786.349.201		
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm		
Kinh phí công đoàn	156.473.320	151.911.331		
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp còn phải nộp	452.303.710	482.920.762		
Cổ tức còn phải trả	8.737.435	-		
Khoản nhận đặt cọc về sản xuất sản phẩm độc quyền cho các khách hàng	15.899.784.500	13.085.555.500		
Thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	550.270.637	550.270.637		
Các khoản phải trả khác	12.233.671	17.834.247		
Cộng	17.079.803.273	14.288.492.477		
14. Phải trả dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm		
Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn từ các đại lý	3.755.000.000	3.755.000.000		
15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.923.480.000	-	-	59.923.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	313.744.700	-	-	313.744.700
Vốn khác của chủ sở hữu	424.272.909	-	-	424.272.909
Cổ phiếu quỹ	(652.100.000)	-	-	(652.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	5.468.736.977	1.408.964.357	-	6.877.701.334
Quỹ dự phòng tài chính	1.487.865.606	469.654.785	-	1.957.520.391
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	100.000.000	-	-	100.000.000
(b) Lợi nhuận chưa phân phối	9.393.095.710	13.494.535.068	8.236.988.742	14.650.642.035
Cộng	76.459.095.902	15.373.154.210	8.236.988.742	83.595.261.369

(a) Chi tiết thành viên góp vốn

Thành viên góp vốn	Tỷ lệ	Theo GCN đăng ký kinh doanh	Vốn góp thực tế đến 31/12/2014
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	42,78%	25.635.000.000	25.635.000.000
Các cổ đông khác	57,22%	34.288.480.000	34.288.480.000
Cộng	100%	59.923.480.000	59.923.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.992.348	5.992.348
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu thường	5.992.348	5.992.348
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	51.820	51.820
- Cổ phiếu thường	51.820	51.820
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu thường	5.940.528	5.940.528
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

(b) Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2014	9.393.095.710
- Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm	13.494.535.068
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.200.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(1.408.964.357)
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(469.654.785)
- Trả cổ tức năm 2013 (7%)	(4.158.369.600)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2014	14.650.642.035

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	378.199.313.863	332.456.392.991
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	562.336.951	1.023.937.182
- Chiết khấu thương mại	325.618.345	396.786.261
- Hàng bán bị trả lại	236.718.606	627.150.921
Cộng	377.636.976.912	331.432.455.809

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	332.883.462.277	288.269.063.470
Dự phòng (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(55.899.118)	17.516.368
Cộng	332.827.563.159	288.286.579.838

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.519.320.854	303.406.216
Cổ tức, lợi nhuận được chia	143.808.000	15.096.000
Lãi ký quỹ	83.731.588	122.142.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	104.691.822	64.997.056
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.239.809	-
Doanh thu tài chính khác	395.541	-
Cộng	1.893.187.614	505.641.600



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	467.413.679	629.164.645
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.025.318	-
Lỗ từ việc thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	429.400.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(540.430.000)
Chi phí tài chính khác	1.233.682	-
Cộng	556.672.679	518.134.645
5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.681.806.640	4.241.991.429
Chi phí vật liệu bao bì, dụng cụ	974.545.456	495.237.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.713.693	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.158.852.830	5.922.804.477
Chi phí bằng tiền khác	3.144.860.118	2.297.662.255
Cộng	16.048.778.737	12.957.695.336
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.158.993.879	8.366.847.341
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	989.738.730	1.351.105.078
Chi phí khấu hao TSCĐ	370.703.280	8.408.000
Thuế, phí và lệ phí	899.832.086	939.112.092
Chi phí dự phòng	57.323.840	66.990.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.478.722	980.003.096
Chi phí bằng tiền khác	2.475.615.320	1.875.428.631
Cộng	14.495.685.857	13.587.895.229
7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	166.045.454	-
Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	352.570.565	76.128.710
Thu nhập từ việc xử lý công nợ không phải trả	785.550	45.000
Thu nhập do xử lý hàng tồn kho thừa khi kiểm kê	89.775.512	131.877.392
Thu nhập khác	5.216.750	-
Cộng	614.393.831	208.051.102
8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí xử lý hàng tồn kho thiếu do kiểm kê	178.666.987	12.385.000
Chi phí khấu hao TSCĐ không sản xuất	-	1.129.621.519
Lãi chậm nộp BHXH	22.696.851	-
Khoản phạt và nộp bổ sung thuế TNDN của những năm trước	7.000.000	16.767.863
Chi phí khác	627	12.587.521
Cộng	208.364.465	1.171.361.903

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.007.493.460	15.624.481.560
Cộng các khoản chi phí không được trừ	197.697.478	1.307.776.903
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(143.808.000)	(15.096.000)
Trừ CLTG chưa thực hiện	(41.239.809)	-
Trừ lỗ các năm trước được chuyển sang	-	-
Trừ thu nhập khác	(1.570.527.466)	(14.196.560)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	14.449.615.663	16.902.965.903
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính (15%)	2.167.442.349	2.510.505.061
Thuế TNDN từ thu nhập khác (22%)	345.516.043	41.566.374
Thuế TNDN được giảm ước tính	-	(1.255.252.530)
Thuế TNDN phải nộp ước tính	2.512.958.392	1.296.818.905
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.494.535.068	14.327.662.656
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.494.535.068	14.327.662.656
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.940.528	5.940.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.272	2.412
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	269.147.997.053	231.194.357.407
Chi phí nhân công	47.680.979.068	43.483.847.827
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.382.023.147	6.911.624.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.271.373.171	31.485.052.382
Chi phí bằng tiền khác	9.046.143.817	6.658.642.004
Cộng	367.528.516.256	319.733.524.255

VII. Thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(2.100.800.000)
		Nhận cung cấp dịch vụ	(170.600.000)
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(3.810.158.932)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	(13.468.236.440)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải trả	(1.960.000)
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả (mua hàng)	(422.114.068)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả (mua hàng)	(1.055.043.088)

3. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp hàng hóa tại một môi trường kinh tế.

VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Rủi ro thị trường

1.1 Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD là như sau:

	Tại ngày 31/12/2014	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tài sản tài chính		
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	271,257.35	5.797.854.599
Tổng cộng	271,257.35	5.797.854.599
	Tại ngày 31/12/2014	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	992,00	21.202.760
Vay ngắn hạn	29,741.00	635.676.699
Tổng cộng	30,733.00	656.879.459
Mức rủi ro tiền tệ	240,524.35	5.140.975.140

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ cao/(thấp) hơn một khoản là 257.048.757 đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

1.2 Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	Tại ngày 31/12/2014
Tài sản có lãi suất	
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	23.000.000.000
Tổng	23.000.000.000
Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 460.000.000 đồng (A).	
Nợ phải trả có lãi suất	Tại ngày 31/12/2014
Các khoản vay	13.616.011.495
Tổng	13.616.011.495
Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 272.320.230 đồng (B).	

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = 187.679.770 đồng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tạm ứng của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 23.044.866.501 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 31/12/2014
Tổng gộp	1.356.881.072
Trừ dự phòng giảm giá trị	(*) (1.356.881.072)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	-
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2014)	(1.646.787.851)
Tăng (do trích lập dự phòng)	57.323.840
Giảm (do xóa nợ)	(337.580.682)
Số dư cuối năm (31/12/2014)	(1.366.531.009)

(*) Trong đó, không bao gồm giá trị dự phòng đối với khoản trả trước người bán với số tiền là 9.649.937 đồng.

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	13.616.011.495	-	13.616.011.495
Phải trả người bán	22.582.097.139	-	22.582.097.139
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	510.780.370	-	510.780.370
Phải trả người lao động	13.495.708.744	-	13.495.708.744
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	17.092.072.725	3.755.000.000	20.847.072.725
Tổng cộng	67.296.670.473	3.755.000.000	71.051.670.473

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố các khoản phải thu và toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ tại các Tổ chức tín dụng của Công ty (Mục số 9 - phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2014	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Các đầu tư dài hạn khác					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	4.950.000.000	-	-	4.950.000.000	-
Tổng cộng	4.950.000.000	-	-	4.950.000.000	-

(*) Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác.



Nguyễn Xuân Khiêm
Người lập biểu



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015